

MỤC LỤC

PHÁT BIÉU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY 3

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

I.Lịch sử hoạt động	6
II.Sơ đồ tổ chức	8

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

12

I.Báo cáo tình hình tài chính	13
II.Báo cáo kết quả kinh doanh	15

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

22

I.Tổ chức và nhân sự	23
II.Lý lịch cá nhân trong Ban Giám Đốc	23

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

28

I.Thông tin cổ đông/ Thành viên góp vốn và quản trị công ty	29
II.Các dữ liệu thống kê về cổ đông	32

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

33

I.Báo cáo của kiểm toán viên.....	34
II.Bảng cân đối kế toán	35
III.Báo cáo kết quả kinh doanh	38
IV.Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.....	39
V. Thuyết minh báo cáo tài chính.....	41





NAVICO





Ông DOAN TỐI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa toàn thể quý cổ đông

- Sau thời kỳ tăng trưởng mạnh trong những năm qua, con cá tra Việt Nam đã chinh phục thế giới về chất lượng và giá cả khẳng định một sản phẩm độc đáo trên vùng sông nước đồng bằng Sông Cửu Long của Việt Nam, nhưng con cá tra Việt Nam cũng không tránh khỏi ảnh hưởng của cơn bão tài chính toàn cầu trong thời gian vừa qua cũng như trong năm 2009.

- 2008 một năm đầy biến động, thách thức đối với ngành thuỷ sản Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Nam Việt nói riêng, nhiều sự kiện bất lợi phát sinh diễn ra liên tục trong sản xuất và kinh doanh của Công ty trong đó đặc biệt là vấn đề thị trường.

- Khởi đầu từ sự tăng trưởng quá nóng, thiếu quy hoạch đã dẫn đến cá nguyên liệu thừa quá nhiều, người nuôi không thể bán hết, cá ngày càng quá lứa thiệt hại cho người nuôi rất cao. Xuất phát từ tình hình đó, Công ty Cổ phần Nam Việt tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, chính quyền địa phương đồng thời để giúp cho làng cá tra, cá basa thoát khỏi tình cảnh khó khăn nên đã mua cá quá lứa để sản xuất nhằm cứu làng cá

- Đầu năm lạm phát tăng cao, Chính phủ đưa ra gói giải pháp kiềm chế lạm phát trong đó có giải pháp thắt chặt tín dụng và tăng lãi suất cho vay làm cho việc vay vốn của Công ty trong những tháng đầu năm rất khó khăn và chi phí lớn

- Từ tháng 8 năm 2008, Nam Việt và 3 công ty khác bị Nga tạm thời đóng cửa, sản lượng xuất sang thị trường Nga giảm hẳn so với năm trước, đến ngày 20/12/2008 Nga đóng cửa tất cả các doanh nghiệp chế biến cá tra Việt Nam.

- Ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu đã dẫn đến suy thoái kinh tế tại nhiều nước trên thế giới trong đó đặc biệt là Mỹ, Châu Âu, Các nước thuộc khối SNG đó là thị trường rất lớn của cá tra, cá basa đã ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp chế biến thuỷ sản Việt Nam, đặc biệt là từ giữa quý 3/2008 nhu cầu thị trường sụt giảm đáng kể, giá xuất giảm mạnh, tình trạng thanh toán của nhà nhập khẩu gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp xuất khẩu thận trọng trong lựa chọn nhà nhập khẩu, phương thức thanh toán nên việc xuất khẩu khó khăn hơn, giảm công suất chế biến.



NAVICO

- Tuy nhiên, trong năm 2008 cá tra, cá basa đã xuất khẩu được 641 nghìn tấn với kim ngạch trên 1 tỷ 500 triệu USD trở thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, với lợi thế sản phẩm độc đáo riêng có của Đồng bằng Sông Cửu Long thì cá tra cá basa sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.

- Công ty Cổ phần Nam Việt với quyết tâm tiếp tục dẫn đầu ngành thuỷ sản Việt Nam về kim ngạch xuất khẩu, và quyết tâm đó đã được thực hiện liên tục từ năm 2006, 2007 và 2008 dù trong năm gặp rất nhiều khó khăn, thách thức

- Năm 2009 sẽ tiếp tục là năm khó khăn của cá tra, cá basa Việt nam thể hiện qua các yếu tố về nguyên liệu sẽ khan hiếm hơn do diện tích và sản lượng giảm sút, thị trường mở rộng thêm nhiều quốc gia nhưng tổng sản lượng và giá bán không thuận lợi ảnh hưởng đến hiệu quả doanh nghiệp, tình hình cạnh tranh không lành mạnh trong nước chưa có giải pháp chặn đứng một cách có hiệu quả.

Đứng trước tình hình đó, Công ty Cổ phần Nam Việt bằng nhiều biện pháp trong quản lý với mục tiêu giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm để tạo lợi thế cạnh tranh về giá và chất lượng nhằm tiếp tục duy trì vị trí của Nam Việt đã đạt được trong nhiều năm liên tục vừa qua bằng biện pháp lấy chế biến cá tra cá basa làm cơ sở vững chắc để phát triển thêm những ngành nghề sản xuất đặc thù khác đó là khai thác mỏ cromit tại Thanh Hoá, góp vốn thành lập Công ty sản xuất phân bón DAP tại Lào Cai nhằm tạo thêm năng lực phát triển công ty một cách bền vững.

Công ty tin tưởng rằng với tiềm lực mạnh trong sản xuất, thị trường rộng lớn, đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề và có lợi thế trong việc mở rộng thêm ngành nghề mới, Công ty Cổ phần Nam Việt sẽ hoàn thành tốt kế hoạch 2009 tạo đà phát triển mạnh cho những năm tiếp theo

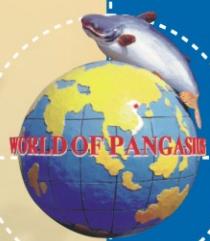
Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt kính chúc toàn thể cổ đông, tất cả cán bộ, công nhân và gia đình hạnh phúc thành đạt

Trân trọng kính chào!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NAM VIET CORPORATION
Email : namvietagg@hcm.vnn.vn
Website : www.navicorp.com.vn



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG





I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG :

- Tên gọi Công ty : Công ty Cổ phần Nam Việt
- Tên giao dịch : NAM VIỆT CORPORATION
- Tên viết tắt : NAVICO
- Vốn điều lệ : 660.000.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi tỷ đồng*)
- Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo - Phường Mỹ Quý – Long Xuyên – An Giang
- Điện thoại : 076 – 834.060 / 932.486
- Fax : 076 – 834.090
- Website : <http://www.navicorp.com.vn>
- Email : namvietagg@hcm.vnn.vn
- Công ty TNHH Nam Việt được thành lập năm 1993
- Tháng 10/2006 Công Ty TNHH Nam Việt được chuyển đổi thành Công Ty Cổ Phần Nam Việt theo Giấy CNDKKD số : 5203000050 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02/10/2006.
- Mã số thuế : 1600.168.736

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm :

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Xây dựng công trình dân dụng	4251
2	Xây dựng công trình công nghiệp	45221 - 452210
3	Xây dựng công trình giao thông	45222 - 452220
4	Xây dựng công trình thuỷ lợi	45223 - 452230
5	Nuôi cá	151
6	Sản xuất bao bì giấy	21022 - 210220
7	In bao bì các loại	22213 - 222130
8	Sản xuất, chế biến và bảo quản thuỷ sản	151
9	Sản xuất dầu Bio- diesel	/
10	Chế biến dầu cá và bột cá	/
11	Sản xuất keo Gentaline và Glycerin	/
12	Mua bán cá, thủy sản	51243 - 512430

13	Khai thác mỏ khoáng sản	742191
14	Sản xuất kinh doanh phân bón	/

❖ **Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức niêm yết :**

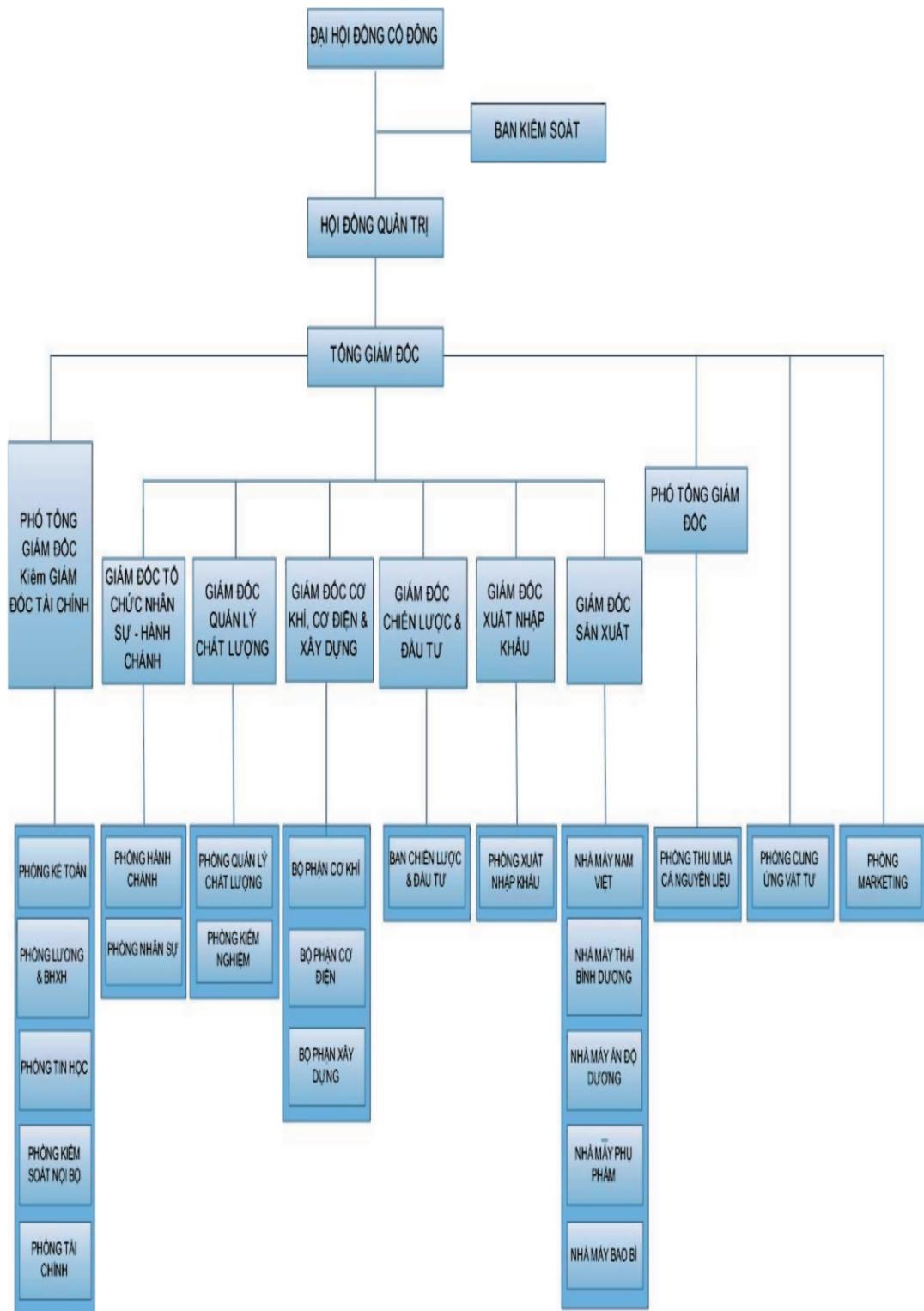
- Công ty cổ phần Nam Việt (Navico) có tiền thân là Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993, ngành nghề xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đến năm 2000 Công ty quyết định đầu tư mở rộng phạm vi kinh doanh sang lĩnh vực chế biến thủy sản. Đây là một trong những bước chuyển biến quan trọng về định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến năm 2008 tổng công suất các nhà máy đã lên đến 1.800 tấn cá nguyên liệu/ngày
- Năm 2006 Nam Việt đã chính thức chuyển sang Công ty Cổ Phần với số vốn điều lệ là 600 tỷ đồng, mức vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 660 tỷ đồng
- Ngày 07/12/2007 Cổ phiếu ANV chính thức niêm yết tại sàn giao dịch TP HCM với số lượng 66 triệu cổ phiếu

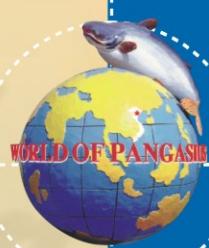
❖ **Định hướng phát triển :**

- Lấy sản xuất chế biến cá tra cá basa làm gốc vững chắc trên cơ sở đó vươn ra các lĩnh vực khác mà Navico có lợi thế để phân tán rủi ro và tăng hiệu quả cho Công ty
- Đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp
- Thu hút nguồn nhân lực có tài, có tâm



II. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





1-Thực trạng năm 2008

Năm 2008 đầy biến động trong xu thế bất lợi cho ngành thủy sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Nam Việt không nằm ngoài những bất lợi đó tuy nhiên Công ty cũng đã vượt qua thách thức đưa doanh thu tăng cao hơn năm trước, vẫn là đơn vị đứng đầu trong ngành thủy sản Việt Nam về kim ngạch xuất khẩu, song về lợi nhuận sụt giảm rất mạnh làm cho tỷ suất lợi nhuận thấp

❖ Tóm tắt số liệu tài chính năm 2008

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện (triệu đồng)		So sánh 2007	So sánh kế hoạch
	Năm 2007	Năm 2008		
Tài sản ngắn hạn	1.657.434	1.739.899	104,97%	
Tài sản dài hạn	686.539	919.947	133,99%	
Doanh thu thuần	3.193.437	3.319.203	103,93%	86,43%
Lợi nhuận trước thuế	416.572	113.342	-72,79%	26,98%
Lợi nhuận sau thuế	370.341	97.746	-73,60%	
Lãi cơ bản / CP	5.953	1.488	-75,00%	

-Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Đưa nhà máy Ấn Độ Dương có công suất 700 tấn cá nguyên liệu/ngày vào hoạt động từ tháng 7/2008
- Bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
- Thành lập Ban nghiên cứu phát triển

2-Dự báo 2009 và phương hướng.

Năm 2009 vẫn là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế toàn cầu, ngành thủy sản Việt Nam có thị trường chủ yếu tại các nước nằm trong tâm điểm của suy thoái kinh tế nên ngành thủy sản Việt Nam tiếp tục chịu nhiều khó khăn, thách thức từ sản lượng, giá cả và thanh toán. Nhằm hạn chế tác động xấu của khủng hoảng tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Việt chủ trương sản xuất phù hợp đơn hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu, kiểm soát chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường; tập trung vào công tác quản trị công ty và nghiên cứu những lĩnh vực, ngành nghề mới để phân tán rủi ro, vươn ra xa hơn tạo sự vững chắc trong phát triển công ty những năm về sau.

3-Triển khai các dự án :

a-Nhà máy Cromit

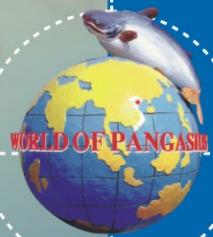
-Khởi công	Đầu năm 2009
-Quy mô vốn	1.498 tỷ đồng
-Nguồn vốn	Từ vốn tự có và vốn vay ngân hàng
-Công suất thiết kế	200.000 tấn ferocrom/năm
-Dự kiến đưa vào sử dụng	Tháng 11/2009
-Dự kiến doanh thu	+Năm 2009 : 323 tỷ VND +Năm 2010 : 2.666 tỷ VND +Năm 2011 : 4.624 tỷ VND +Năm 2012 : 5.440 tỷ VND
-Dự kiến lợi nhuận	+Năm 2009 : 2 tỷ VND +Năm 2010 : 99 tỷ VND +Năm 2011 : 202 tỷ VND +Năm 2012 : 278 tỷ VND

b-Vùng nuôi cá nguyên liệu:

-Mua đất 80 ha	Năm 2007 và 2008
-Quy mô vốn	150 tỷ đồng
-Nguồn vốn	Từ lợi nhuận đê lại và thặng dư vốn
-Công suất thiết kế	38.000 tấn cá nguyên liệu/năm
-Dự kiến giảm chi phí nguyên liệu	+Năm 2009 : 40 tỷ VND +Năm 2010 : 80 tỷ VND +Năm 2011 : 100 tỷ VND +Năm 2012 : 100 tỷ VND



NAVICO



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



I. Báo cáo tình hình tài chính

1. Các sự kiện quan trọng :

- Công Ty TNHH Ân Độ Dương do Công ty Cổ Phần Nam Việt nắm giữ 100% vốn điều lệ, có công suất thiết kế 700 tấn cá nguyên liệu/ngày đã đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2008.
- Thị trường Nga đóng cửa từ tháng 8 năm 2008.
- Giảm công suất từ 1400 tấn cá nguyên liệu/ngày xuống còn 500 tấn cá nguyên liệu/ngày
- Đại tu nhà máy Nam Việt và nhà máy Thái Bình Dương

2. Báo cáo tình hình tài chính :

Năm 2008 Công ty tiếp tục đứng đầu Việt Nam về kim ngạch xuất khẩu thủy sản, nhưng các chỉ tiêu tài chính năm nay so với năm trước đã thể hiện sự ảnh hưởng khá nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính tại những thị trường lớn của Công ty như thị trường Châu Âu, thị trường Nga.

Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty được Công ty TNHH KPMG kiểm toán, có ý kiến và xác nhận.

Bảng tóm tắt và đánh giá các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh đến ngày 31/12/2008 như sau:

Bảng 1: Khả năng sinh lời : Tỷ suất lợi nhuận

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,67%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,94%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	6,10%

Bảng 2: Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,10
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,77
Khả năng thanh toán bằng tiền (lần)	0,09



❖ Phân tích tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	65,41%	70,71%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	34,59%	29,29%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	39,79%	27,80%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	60,20%	72,20%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán bằng tiền	lần	0,09	0,48
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,77	3,60
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	3,67%	15,80%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	2,94%	11,60%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,10%	21,88%

❖ Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm	
Chi trả cổ tức bằng tiền năm 2008 (18%)	118.089.450.000

❖ Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	
- Cổ phiếu quỹ	(394.750)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VNĐ/Cổ phiếu

❖ Những thay đổi về vốn cổ đông:

Ngày 01/08/2007 phát hành thêm 6.000.000 cổ phiếu nâng tổng số cổ phiếu đang lưu hành lên 66.000.000 cổ phiếu với 100% là cổ phiếu phổ thông, kể từ ngày 11/04/2008 số lượng cổ phiếu lưu hành còn 65.605.250 cổ phiếu sau khi trừ 394.750 cổ phiếu quỹ.

❖ Cơ cấu cổ đông đến ngày 30/03/2009 [ngày chốt danh sách dự ĐHĐCĐ 2009]

Cơ cấu cổ đông	Tỷ lệ %
1. Nước ngoài	17,79%
Cổ đông là tổ chức	17,61%
Cổ đông là cá nhân	0,18%
2. Trong nước	82,21%
Cổ đông là tổ chức	2,20%
Cổ đông là cá nhân	80,01%

Tính đến thời điểm 30/03/2009 tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài nắm giữ cổ phiếu là 11.739.820 cp chiếm 17,79 % vốn điều lệ.

❖ Những biến động lớn so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Năm 2008		% thực hiện so với kế hoạch
	Thực hiện (Triệu đồng)	Kế hoạch (Triệu đồng)	
Vốn chủ sở hữu	660.000	660.000	-
Doanh thu thuần	3.319.203	3.840.000	86,43%
Lợi nhuận trước thuế	113.341	420.000	26,98%
Lợi nhuận sau thuế	97.746	380.000	25,72%
LN sau thuế/Doanh thu thuần	2,94%	10,26%	-
LNST/Vốn chủ sở hữu	6,10%	59,09%	-
Cố tức tính trên mệnh giá (%)	18,0%	18,0%	100,00%

II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

❖ Về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý :

- Nhà máy Án Độ Dương đi vào hoạt động từ tháng 7/2008 với công suất 700 tấn cá nguyên liệu/ngày
- Công ty đã thành lập Ban Đầu tư phát triển để nghiên cứu dự án đầu tư
- Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

❖ Công tác điều hành quản lý sản xuất kinh doanh:

- Năm 2008, sản phẩm cá tra cá basa tiếp tục khẳng định vị thế của mình trên thị trường thế giới với kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ 500 triệu USD. Là sản phẩm độc đáo của Việt Nam đã trở thành quen thuộc với hàng trăm quốc gia trên thế giới, đến nay, với sự phát triển về kim ngạch xuất khẩu hàng năm cá tra đã trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của quốc gia

- Thị trường cá tra, cá basa tiếp tục được mở rộng lên đến trên 100 quốc gia, ngày càng được ưa chuộng tại nhiều quốc gia do giá rẻ và ngon tạo nhu cầu vững chắc trong phát triển cá tra, cá basa Việt Nam



-Tuy nhiên trong năm 2008 cá tra, cá basa Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề các nhân tố tác động chủ yếu như sau:

+ **Nguyên liệu:** thừa rất nhiều, dẫn đến người nuôi dân lỗ nặng, Công ty cổ phần Nam Việt phải tăng công suất để cứu làng cá

+ **Cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước** dẫn đến giá bán thấp, kéo theo chất lượng sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu, việc xuất khẩu cá nhiều rủi ro.

+ **Sự bất ổn định trong kinh tế vĩ mô**, đầu năm lạm phát tăng cao, cuối năm suy giảm kinh tế

+ **Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu** ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường xuất khẩu của nam Việt

Cuối quý 3 phải tổ chức sắp xếp lại sản xuất bằng cách giảm công suất sản xuất khoảng 50% so với thời kỳ cao điểm, Cuối năm kết hợp giữa nhu cầu phai đại tu nhà máy Nam Việt (đã sử dụng qua 8 năm) và sửa chữa lớn nhà máy Thái Bình Dương trong thời gian giảm công suất nên đã đưa 2 nhà máy trên đê đại tu và hoạt động trở lại vào 16/3/2009;

Trước những thuận lợi và khó khăn trên đây của 2008, Công ty Cổ phần Nam Việt đã sản xuất : trên 98 nghìn tấn sản phẩm, với cơ cấu sản phẩm là 48,38% tra fillet thịt đỏ; 37,48% tra fillet thịt trắng; còn lại 14,14% các sản phẩm khác

Trong năm 2008 dù phát sinh rất nhiều khó khăn nhưng Công ty cổ phần Nam Việt vẫn giữ được vị trí dẫn đầu của ngành thủy sản Việt Nam về kim ngạch xuất khẩu

Tuy nhiên, những yếu tố không thuận lợi đã đưa đến hiệu quả khá thấp trong hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả doanh thu năm 2008 đạt 3.306 tỷ đồng, tăng 3,5 % so với năm 2007. Tuy nhiên, lợi nhuận đã giảm rất mạnh chỉ đạt 97,7 tỷ bằng 26,4% so năm 2007.

10 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU THUỶ SẢN HÀNG ĐẦU NĂM 2008

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	KHỐI LƯỢNG (TẤN)	GIÁ TRỊ (USD)
1	NAVICO	93.528	188.472.325
2	HUNG VUONG CORP	80.473	169.705.867
3	MINH PHU SEAFOOD CORP	14.643	160.539.848
4	VINH HOAN CORP	33.943	101.950.464
5	AGIFISH CO	46.878	90.889.508
6	QUOC VIET CO.,LTD	9.708	84.979.284
7	CAMIMEX	7.672	79.291.122
8	PHUONG NAM CO	7.471	78.131.219
9	KIM ANH CO.,LTD	12.082	66.037.385
10	STAPIMEX	6.366	62.215.594

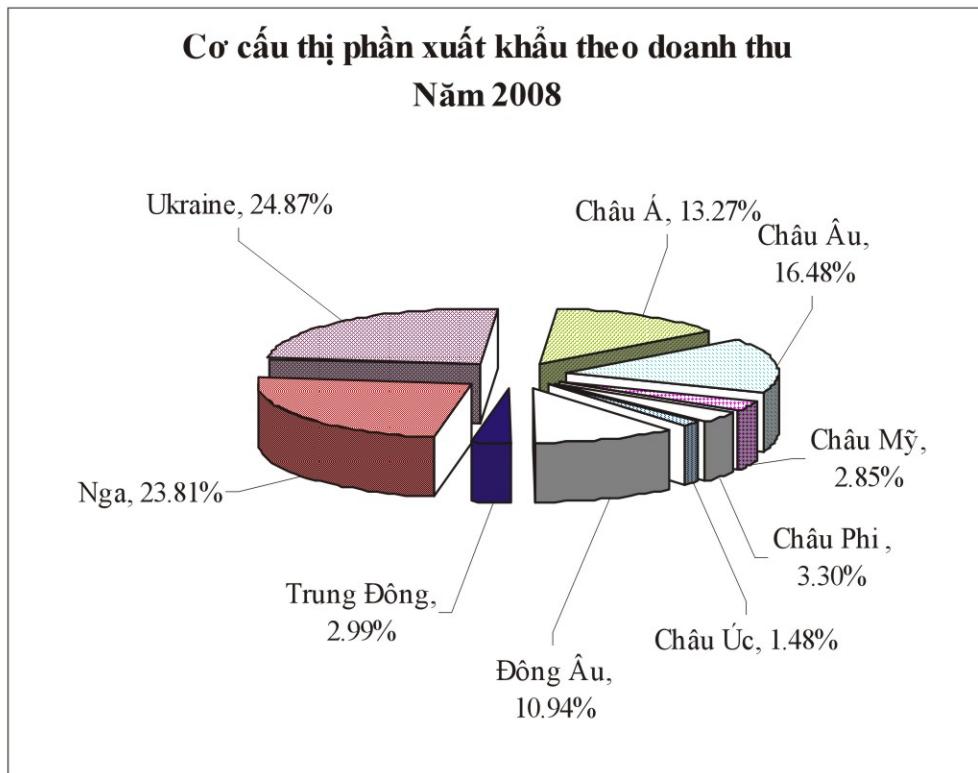
10 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRA & BASA HÀNG ĐẦU NĂM 2008

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	KHỐI LƯỢNG (TẤN)	GIÁ TRỊ (USD)
1	NAVICO	93.528	188.472.325
2	HUNG VUONG CORP	80.473	169.705.867
3	VINH HOAN CORP	33.943	101.950.464
4	AGIFISH CO	46.878	90.889.508
5	THIMACO	22.126	48.091.226
6	BIANFISHCO	17.995	47.294.736
7	ANVIFISH	20.351	45.269.430
8	HTFOOD	18.109	39.295.629
9	Q.V.D FOOD CO	13.086	38.678.072
10	CL-FISH CORP	16.475	37.881.392

Nguồn: Thông kê Thương mại Thuỷ sản (số ra ngày 23/01/2009)



❖ Phân tích thị trường năm 2008 - Tỷ lệ % kim ngạch (USD)



❖ Thực hiện các dự án đầu tư

Để đa dạng hóa ngành nghề, hạn chế rủi ro và nâng cao lợi nhuận, Công ty đã xúc tiến lĩnh vực khai thác mỏ Cromic và góp vốn vào nhà máy sản xuất phân bón DAP

❖ Chính sách đối với người lao động

Phân loại theo trình độ lao động	Năm 2007	Tỷ lệ %	Năm 2008	Tỷ lệ %
Trên đại học	1	0,02%	2	0,03%
Đại học	163	3,52%	281	3,56%
Cao đẳng, trung học	289	6,24%	371	4,70%
Lao động phổ thông	4.180	90,22%	7.236	91,71%
Tổng lao động	4.633	100,00%	7.890	100,00%

Thu nhập bình quân: 1.700.000 đồng/người/tháng

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2008 CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

STT	Sự kiện nổi bật
1	Đưa nhà máy đông lạnh Án Độ Dương với công suất thiết kế 700 tấn nguyên liệu/ ngày đi vào hoạt động.
2	Dẫn đầu cả nước về kim ngạch xuất khẩu thủy sản với 188 triệu USD.
3	Tháng 8 -2008 Nga đóng cửa thị trường làm cho hàng tồn kho lớn

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009

- **Lĩnh vực thủy sản:** Là gốc trong hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó:
- Giữ vững và mở rộng các thị trường hiện có đặc biệt là thị trường Châu Âu và Nga, đồng thời phát triển thêm thị trường mới sang các nước thuộc khối SNG, Nam Mỹ, Trung Đông, Châu Phi
- Đầu tư vùng nuôi cá sạch 80 ha để chủ động một phần về nguyên liệu cho sản xuất đặc biệt là quản lý về chất lượng của nguồn nguyên liệu.

Các chỉ tiêu dự kiến như sau:

CÁC CHỈ TIÊU	DVT	THỰC HIỆN NĂM 2008	KẾ HOẠCH NĂM 2009
1. CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG			
Sản lượng xuất khẩu, trong đó:	tấn	141.912	97.948
Mặt hàng đông lạnh	tấn	68.419	77.548
Mặt hàng phụ phẩm	tấn	47.327	64.200
Mặt hàng khác	tấn	11.136	13.348
Sản lượng tiêu thụ nội địa, trong đó:		73.493	20.400
Mặt hàng đông lạnh	tấn	11.070	7.100
Mặt hàng phụ phẩm	tấn	34.182	13.300
Mặt hàng khác	tấn	28.241	-
2. CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XUẤT KHẨU			
Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	188	150
3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu	tỷ đồng	3.319	3.020
Tổng chi phí	tỷ đồng	3.206	2.929
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	113	91
4. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG			
Tổng lao động (người)	người	7.890	6.000
Lương bình quân người/tháng	đồng/tháng	1.700.000	1.700.000



Lĩnh vực khai thác khoáng sản: Là lĩnh vực đầu tư mới đê đa dạng hóa ngành nghề nhằm giảm thiểu rủi ro về ngành nghề trong hoạt động sản xuất kinh doanh và cũng nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Loại khoáng sản khai thác là Cromit, hiện nay mỏ này tại Việt Nam chỉ có tại Tỉnh Thanh Hóa, trữ lượng lớn, lộ thiên, điều kiện khai thác dễ dàng, tính hiệu quả rất cao

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2009	KẾ HOẠCH NĂM 2010
1. CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG			
Ferocrom	tấn	11.900	98.000
2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu thuần	tỷ đồng	324	2.665
Tổng chi phí	tỷ đồng	322	2.566
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	2	99

Lĩnh vực đầu tư góp vốn sản xuất phân bón DAP: Với vốn góp 29% trong tổng số vốn của nhà máy DAP2 tại Lào cai, Công ty đã cử người tham gia HĐQT cũng như vào Ban điều hành việc xây dựng nhà máy kịp tiến độ với chi phí thấp nhất.

Dự kiến thời gian thực hiện đầu tư từ tháng 5/2009 hoàn tất vào tháng 12/2012

❖ Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2009

- ✓ Thực hiện sản xuất sản phẩm có chất lượng cao đú đáp ứng cho nhu cầu thị trường, với phương châm “chất lượng ưu tiên hàng đầu”.
- ✓ Hạn chế tối đa tình trạng sản xuất để tồn kho, thực hiện sản xuất theo đơn hàng, tìm các giải pháp hạ giá thành sản phẩm làm điều kiện quyết định trong nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả công ty
- ✓ Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà máy sản xuất ferocrom tại Thanh Hóa vào cuối năm 2009

NAM VIET CORPORATION

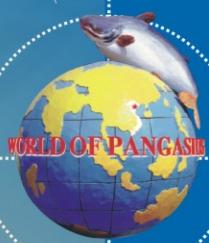
Email : namvietagg@hcm.vnn.vn

website : www.navicorp.com.vn





NAVICO



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



I. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

o Cơ cấu bộ máy tổ chức:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Nam Việt :

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo - Mỹ Quý – Long Xuyên – An Giang
Điện thoại : 0763.834.060/ 932.486 Fax: 0763.834.090

- Nhà máy đông lạnh thủy sản Nam Việt

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo - Mỹ Quý – Long Xuyên – An Giang
Điện thoại : 0763.834.060/ 932.486 Fax: 0763.834.090

- Nhà máy đông lạnh thủy sản Thái Bình Dương

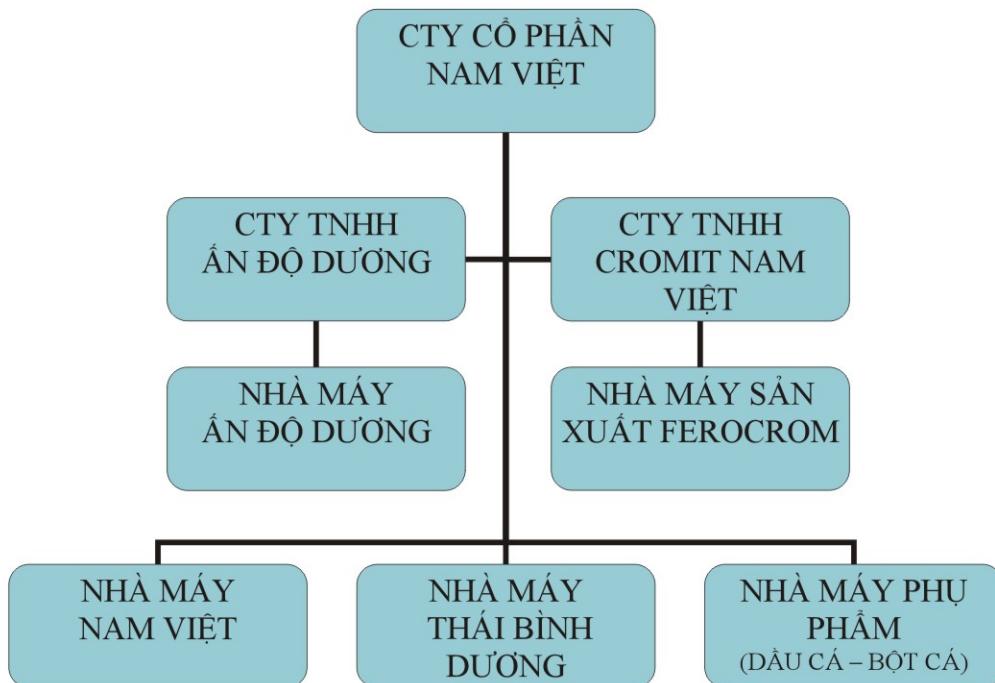
Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo - Mỹ Quý – Long Xuyên – An Giang
Điện thoại : 0763.834.060/ 932.486 Fax: 0763.834.090

- Nhà máy đông lạnh thủy sản Án Độ Dương (Công ty TNHH Án Độ Dương)

Địa chỉ : Trung Tâm CN-TTCN Thốt Nốt, Cần Thơ
Điện thoại : 0710.648.183 Fax: 0710.648.185

- Nhà máy chế biến ferocrom (Công ty TNHH Cromit Nam Việt)

Địa chỉ : Vân Sơn – Triệu Sơn – Thanh Hóa
Điện thoại : 0373721552 - 0378796100 Fax: 0373721552





II. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông DOAN TÓI - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- | | |
|--|---------------------|
| - Họ và tên: | DOAN TÓI |
| - Ngày tháng năm sinh: | 20/06/1954 |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Luật |
| - Số cổ phiếu nắm giữ: | 29.950.000 cổ phiếu |
| - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: | |

Con là ông Doãn Chí Thanh, Thành viên HĐQT, số lượng cổ phần nắm giữ: 9.000.000 cổ phần.

Con là ông Doãn Chí Thiên, hiện nắm giữ 8.457.987 cổ phần.

2. Bà DƯƠNG THỊ KIM HƯƠNG : Phó Tổng Giám Đốc

- | | |
|--|----------------------------|
| - Họ và tên: | DƯƠNG THỊ KIM HƯƠNG |
| - Ngày tháng năm sinh: | 01/04/1965 |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Kế toán |
| - Số cổ phiếu nắm giữ: | 0 cổ phiếu |
| - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: | |

Chồng là ông Doãn Tới, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 29.950.000 cổ phần.

Con là ông Doãn Chí Thanh, Thành viên HĐQT, trợ lý Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 9.000.000 cổ phần.

Con là ông Doãn Chí Thiên, hiện nắm giữ 8.457.987 cổ phần.

3. Ông NGUYỄN DUY NHÚT : Phó TGĐ kiêm Giám đốc Tài Chính

- | | |
|--|------------------------|
| - Họ và tên: | NGUYỄN DUY NHÚT |
| - Ngày tháng năm sinh: | 24/05/1960 |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ kinh tế |
| - Số cổ phiếu nắm giữ : | 10.000 cổ phiếu |
| - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: | Không có. |

4. Ông ĐỖ LẬP NGHIỆP : Giám đốc Sản xuất

- | | |
|--|--|
| - Họ và tên: | ĐỖ LẬP NGHIỆP |
| - Ngày tháng năm sinh: | 05/08/1975 |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư ngành thuỷ sản |
| - Số cổ phiếu nắm giữ: | 10.000 cổ phiếu |
| - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: | Vợ là bà Huỳnh Thị Hồng Mai hiện nắm giữ 524 cổ phần |

5. Ông DOÃN QUỐC XÃ : Giám đốc Cơ khí – Cơ điện.

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| - Họ và tên: | DOÃN QUỐC XÃ |
| - Ngày tháng năm sinh: | 17/07/1957 |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cơ khí chế tạo máy |
| - Số cổ phiếu nắm giữ: | 10.000 cổ phiếu |

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Anh ruột là ông Doãn Tới, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 29.950.000 cổ phần.

6. Ông NGUYỄN THÙA BỬU : Giám đốc Quản lý Chất lượng

- | | |
|--|------------------------|
| - Họ và tên: | NGUYỄN THÙA BỬU |
| - Ngày tháng năm sinh: | 20/06/1976 |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư ngành thuỷ sản |
| - Số cổ phiếu nắm giữ: | 10.000 cổ phiếu |
| - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: | Không có. |

7. Ông ĐẶNG VĂN ĐIỀN : Giám đốc Xuất Nhập Khẩu

- | | |
|--|----------------------|
| - Họ và tên: | ĐẶNG VĂN ĐIỀN |
| - Ngày tháng năm sinh: | 17/09/1968 |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Anh văn |
| - Số cổ phiếu nắm giữ: | 10.000 cổ phiếu |
| - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: | Không có. |



8. Ông DOÃN QUỐC HỘI : Giám đốc Tổ chức Nhân sự - Hành chánh

- Họ và tên: **DOÃN QUỐC HỘI**
- Ngày tháng năm sinh: 18/08/1960
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Anh ruột là ông Doãn Tới, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 29.950.000 cổ phần.

Anh ruột là ông Doãn Quốc Xã, Giám đốc Cơ khí – Cơ điện Công ty cổ phần Nam Việt số lượng cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần.

9. Ông NGUYỄN HOÀNG TUẤN : Giám đốc Chiến lược & Đầu tư

- Họ và tên: **NGUYỄN HOÀNG TUẤN**
- Ngày tháng năm sinh: 17/02/1967
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

10. Ông DOÃN VĂN NHO: Kế toán trưởng

- Họ và tên : **DOÃN VĂN NHO**
- Năm sinh : 10/12/1980
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán Tài chính
- Số cổ phiếu nắm giữ : 2.000 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

❖ **Quyền lợi của Ban Giám đốc năm 2008**

- ✓ Tổng tiền lương: 2.509.460.000 đồng
- ✓ Tổng tiền thưởng: 93.989.000 đồng
- ✓ Các quyền lợi khác: không

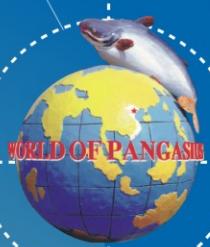
❖ **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:**

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Duy Nhứt làm Phó chủ tịch HĐQT và Phó Tổng Giám Đốc
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Tuấn làm Giám đốc Chiến lược và Đầu tư
- Bầu lại 3 thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên 2008 và Bổ nhiệm ông Lê Quang Khôi làm Trưởng ban kiểm soát.





NAVICO



THÔNG TIN CÔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

❖ Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên : 07 người, Trong đó: Thành viên bên trong : 07 người

Thành viên bên ngoài : 0 người

Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1. Doãn Tới	Chủ tịch HĐQT	18/09/2006	
2. Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ Tịch HĐQT	09/10/2008	
3. Doãn Chí Thanh	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
4. Đặng Văn Điền	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
5. Nguyễn Thùra Bửu	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
6. Doãn Quốc Xã	Thành viên HĐQT	18/09/2006	
7. Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên HĐQT	18/09/2006	

❖ Ban Kiểm soát:



Ông LÊ QUANG KHÔI - Trưởng ban Kiểm soát

- Họ và tên: **LÊ QUANG KHÔI**
- Ngày tháng năm sinh: 30/10/1966
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính – Kế toán
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

**Ông TRẦN ÁNH – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Họ và tên: **TRẦN ÁNH**
- Năm sinh: 11/03/1975
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thuỷ sản
- Số cổ phiếu nắm giữ: 5.000 cổ phiếu

Bà CÔNG HUYỀN TÔN NỮ MỸ LIÊN – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **CÔNG HUYỀN TÔN NỮ MỸ LIÊN**
- Năm sinh: 28/10/1982
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán
Hội viên hội Kế toán viên công chứng Anh (ACCA)
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Ban Giám đốc đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị

DOANH TÓI	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
NGUYỄN DUY NHÚT	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Tài chính
ĐẶNG VĂN ĐIỀN	Giám đốc Xuất nhập khẩu
NGUYỄN THÙA BƯU	Giám đốc Kỹ thuật
ĐỖ LẬP NGHIỆP	Giám đốc Sản xuất
DOANH QUỐC XÃ	Giám đốc Cơ khí – Cơ điện

❖ Hoạt động của HĐQT

- Trong năm Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp định kỳ hàng tháng để bàn bạc những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, trong đó đã đưa ra quyết định những nội dung sau đây:

-Xây dựng các cơ chế quản lý chi phí

-Xem xét các lĩnh vực đầu tư ngoài ngành thủy sản như khai thác mỏ cromic, đầu tư vào công ty cổ phần DAP2

-Thành lập Ban chiến lược đầu tư

-Sắp xếp, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT

❖ **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

- ❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Thay đổi
1. Doãn Tới	Chủ tịch	29.950.000	45,38%	Không
2. Doãn Chí Thanh	Thành viên	9.000.000	13,64%	Không
3. Nguyễn Duy Nhứt	Thành viên	10.000	0,02%	Không
4. Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	10.000	0,02%	Không
5. Đặng Văn Điện	Thành viên	10.000	0,02%	Không
6. Nguyễn Thùa Bửu	Thành viên	10.000	0,02%	Không
7. Doãn Quốc Xã	Thành viên	10.000	0,02%	Không

- ❖ Trong năm 2008 những thành viên trong HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát không có giao dịch cổ phiếu của công ty.





II. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước :	0	0%
2. Cổ đông đặc biệt :	39.007.000	59,10%
- Cổ đông sáng lập	38.960.000	59,03%
- Cổ đông HĐQT	40.000	0,06%
- Ban Giám đốc	-	-
- Ban Kiểm soát	5.000	0,01%
- Kế toán trưởng	2.000	0,00%
3. Cổ đông – Cán bộ CNV trong Công ty	192.432	0,29%
4. Cổ đông ngoài Công ty	26.800.568	40,61%
a. Cổ đông trong nước	15.060.748	22,82%
- Tổ chức (*)	1.451.512	2,20%
- Cá nhân	13.609.236	20,62%
b. Cổ đông ngoài nước	11.739.820	17,79%
- Tổ chức	11.618.830	17,60%
- Cá nhân	120.990	0,18%
TỔNG	66.000.000	100.00%

Ghi chú: Trong () đã bao gồm số lượng 394.750 cp quỹ của Navico*

2. Tình hình giao dịch liên quan đến cổ đông lớn:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty (Tính đến ngày 30/03/2009)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Doãn Tới	21A Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	29.950.000	45,38%
2	Doãn Chí Thanh	21A Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	9.000.000	13,63%
3	Doãn Chí Thiên	21A Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang	8.457.987	12,82%

NAM VIET CORPORATION
Email : namvietagg@hcm.vnn.vn
website : www.navicorp.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





NAVICO

**Giấy chứng nhận
đăng ký Kinh doanh số** 5203000050

ngày 2 tháng 10 năm 2006
và điều chỉnh ngày 5 tháng 10 năm 2006
và ngày 1 tháng 8 năm 2007

Hội đồng Quản trị

Ông Doãn Tới
Ông Doãn Chí Thanh
Ông Nguyễn Duy Nhứt
Ông Đỗ Lập Nghiệp
Ông Đặng Văn Điền
Ông Nguyễn Thừa Bửu
Ông Doãn Quốc Xã

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Doãn Tới
Bà Dương Thị Kim Hương
Ông Nguyễn Duy Nhứt

Ông Nguyễn Thừa Bửu
Ông Đỗ Lập Nghiệp
Ông Đặng Văn Điền
Ông Doãn Quốc Xã
Ông Doãn Văn Nho

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc và
Giám đốc Tài chính
Giám đốc Kỹ thuật
Giám đốc Điều hành
Giám đốc Kinh doanh
Giám đốc Cơ khí
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

19D Trần Hưng Đạo
Phường Mỹ Quý
Tỉnh An Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nam Việt

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nam Việt (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất liên quan. báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy chứng nhận đầu tư số: 01043000345
Báo cáo kiểm toán số: 08-01-332

_____ (Đã ký và đóng dấu) _____
Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

_____ (Đã ký) _____
Hà Vũ Định
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2008



BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

	Mã số	Thuế minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.739.898.664	1.657.433.508
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	96.890.634	266.442.925
Tiền	111		59.150.763	266.442.925
Các khoản tương đương tiền	112		37.739.871	-
Các khoản phải thu – ngắn hạn	130	5	963.841.614	1.118.457.833
Khoản phải thu – thương mại	131		469.594.972	344.848.160
Trả trước cho người bán	132		12.884.434	28.850.722
Phải thu nội bộ	133		471.324.477	743.769.761
Phải thu khác	135		20.943.612	10.137.057
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	139		(10.905.881)	(9.147.867)
Hàng tồn kho	140	6	638.823.284	231.499.493
Hàng tồn kho	141		701.642.506	231.499.493
Dự phòng hàng tồn kho	149		(62.819.222)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	7	40.343.132	41.033.257
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.636.648	12.310.192
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154		80.330	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		23.626.154	28.723.065
Tài sản dài hạn	200		919.947.423	686.538.895
Tài sản cố định	220		604.135.987	482.804.397
Tài sản cố định hữu hình	221	8	488.022.031	113.048.417
Nguyên giá	222		629.759.610	199.596.444
Khấu hao lũy kế	223		(141.737.579)	(86.548.027)
Tài sản cố định vô hình	227	9	16.209.872	16.242.606
Nguyên giá	228		16.332.506	16.332.506
Khấu hao lũy kế	229		(122.634)	(89.900)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	99.904.084	353.513.374
Đầu tư dài hạn	250	11	287.951.220	178.410.000
Đầu tư dài hạn khác	258		299.190.500	178.410.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(11.239.280)	-
Tài sản dài hạn khác	260		27.860.216	25.324.498
Tài sản thuế hoãn lại	262	12	4.278.433	1.807.596
Tài sản dài hạn khác	268		23.581.783	23.516.902
TỔNG TÀI SẢN	270		2.659.846.087	2.343.972.403
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả	300		1.058.369.530	651.568.743

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008 (TIẾP THEO)

	Mã số	Thuý minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Nợ ngắn hạn	310		981.960.495	551.561.769
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	761.738.824	117.664.000
Khoản phải trả – thương mại	312		152.734.416	58.180.036
Tạm ứng từ khách hàng	313		14.598.629	3.966.770
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	12.240.854	26.213.874
Phải trả người lao động	315		10.486.756	7.284.018
Chi phí phải trả	316	15	1.862.778	8.640.916
Phải trả nội bộ	317	16	5.157.614	242.997.395
Phải trả khác	319	17	23.140.624	86.614.760
Nợ dài hạn	330		76.409.035	100.006.974
Vay dài hạn	334	18	70.722.460	99.719.803
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	5.686.575	287.171
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.601.476.557	1.692.403.660
Vốn chủ sở hữu	410		1.585.462.952	1.683.764.738
Vốn cổ phần	411	20	660.000.000	660.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		611.965.459	611.965.459
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(27.417.630)	-
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	416		-	1.130.471
Lợi nhuận chưa phân phối	420		340.915.123	410.668.808
Quỹ khác	430		16.013.605	8.638.922
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		16.013.605	8.638.922
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.659.846.087	2.343.972.403

Người lập:

(Đã ký)
 Doan Văn Nho
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

(Đã ký và đóng dấu)
 Doan Tới
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2008



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

	Mã số	Thuế minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	3	3.336.126.789	3.200.352.091
Các khoản giảm trừ	02	3	(16.923.355)	(6.914.825)
Doanh thu thuần	10	3	3.319.203.434	3.193.437.266
Giá vốn hàng bán	11		(2.832.484.046)	(2.482.976.103)
Lợi nhuận gộp	20		486.719.388	710.461.163
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	169.117.350	64.769.470
Chi phí hoạt động tài chính	22	22	(178.181.755)	(41.518.466)
Chi phí bán hàng	24		(310.692.886)	(276.741.703)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(56.768.284)	(44.885.364)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110.193.813	412.085.100
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	23	6.769.928	21.134.295
Chi phí khác	32	24	(3.621.826)	(16.647.392)
Lợi nhuận trước thuế	50		113.341.915	416.572.003
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	51	25	(18.066.442)	(46.878.018)
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	52	26	2.470.837	646.959
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		97.746.310	370.340.944
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.488	5.953

Người lập:

(Đã ký)
Doan Văn Nho
Kế toán trưởng

Người duyệt:

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM VIỆT
Số K.K.P. 5203000050 - 01
TP. LỘC NGUYỄN - T. AN GIANG

(Đã ký và đóng dấu)
Doan Tới
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		113.341.915	416.572.003
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		56.336.958	29.552.102
Dự phòng	03		76.084.323	3.827.335
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		2.562.331	-
Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động đầu tư	05		159.832	(337.089)
Chi phí lãi vay	06		82.051.861	22.534.758
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	07		(67.029.939)	(55.161.542)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		263.507.281	416.987.567
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(154.283.958)	(277.073.606)
Biến động hàng tồn kho	10		(470.143.013)	(34.594.141)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(129.722.195)	186.617.479
			(490.641.885)	291.937.299
Chi phí lãi vay đã trả	13		(82.051.861)	(22.534.758)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(35.186.992)	(24.150.914)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20		(607.880.738)	245.251.627
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(180.100.741)	(366.782.278)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.272.361	13.983.173
Biến động tài sản dài hạn khác	23		(64.881)	1.036.084
Tăng các khoản đầu tư dài hạn	24		(120.780.500)	(178.400.000)
Thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		67.029.939	55.161.542
Khoản vay cho các bên liên quan	28		(1.305.073.143)	(1.503.179.077)
Khoản vay được hoàn lại	29		1.612.637.624	1.254.689.888
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư	30		75.920.659	(723.490.668)
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ phát hành vốn chủ sở hữu	31		-	671.965.459
Chi mua lại cổ phần	32		(27.417.630)	-
Thu từ các khoản vay ngắn hạn	33		3.523.871.465	1.498.463.092
Chi trả nợ gốc	34		(2.913.306.973)	(1.511.140.537)
Chi trả cổ tức	36		(221.559.261)	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		361.587.601	659.288.014



NAVICO

	Mã số	Thuyết minh	2008 VND'000	2007 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(170.372.478)	181.048.973
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		266.442.925	85.916.204
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	62		820.187	(522.252)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	0	96.890.634	266.442.925

Người lập:

Đã ký
Doãn Văn Nho
Kế toán trưởng

Người duyệt:

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM VIỆT
Số K.K.D: 5203000050
P.LONG XUYÊN - T. AN GIANG

(Đã ký và đóng dấu)
Doãn Tới
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MÍNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Nam Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; nuôi cá, sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại, sản xuất dầu bio-diesel; chế biến dầu cá và bột cá; sản xuất keo gentaline và glycerine.

Công ty được thành lập từ việc chuyển thể Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Việt, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam thành công ty cổ phần vào ngày 2 tháng 10 năm 2006. Tất cả tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt được chuyển giao sang Công ty theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển thể.

Tổng số vốn pháp định của Công ty được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 600.000.000.000 VNĐ. Trong năm 2007, tổng số vốn pháp định của Công ty tăng từ 600.000.000.000 VNĐ lên 660.000.000.000 VNĐ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 1 tháng 8 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 liên quan đến Công ty và công ty con, Công ty TNHH Án Độ Dương (gọi chung là “Tập đoàn”).

Chi tiết của các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	Sở hữu vốn pháp định bởi Công ty	
			% sở hữu trong giấy phép của công ty con	Số tiền VNĐ'000
Công ty TNHH Án Độ Dương	Chăn nuôi thủy sản, sản xuất bao bì giấy, chế biến dầu cá và bột cá, sản xuất keo gentaline, glycerine và dầu bio-diesel	Số 5704000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh	100%	36.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty có 4.500 nhân viên (2007: 4.640 nhân viên).



Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cáo báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”). được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và các giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản chênh lệch chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được qui đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định tại ngày giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động thì được hạch toán vào Tài Khoản Chênh Lệch Tỷ Giá thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi hoạt động kinh doanh bắt đầu và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng. Khi hoạt động kinh doanh bắt đầu và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển

vào tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản Chi phí Trả trước Dài Hạn. Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước. ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư ký quỹ ngắn hạn, các công cụ nợ và vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp mà Tập Đoàn không kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm



tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu. thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất lâu dài

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất.

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. Khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm căn cứ vào quyết định của các cổ đông. Quỹ này được dùng để loại trừ các khoản tiền thưởng và quỹ phúc lợi phải trả cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản phải trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Các khoản thanh toán về thuê hoạt động

Các khoản thanh toán về thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh. ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

Các công ty liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Cách trình bày chủ yếu của Tập đoàn về báo cáo bộ phận dựa vào bộ phận theo khu vực địa lý. Hoạt động của Tập đoàn nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và bán dầu cá, bột cá và đóng gói sản phẩm.

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và bộ phận địa lý. Cách trình bày chủ yếu, bộ phận địa lý dựa trên việc quản lý của Tập đoàn và cấu trúc báo cáo nội bộ.

Kết quả bộ phân bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp vào một bộ phận và được phân phối trên cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân phối bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lỗ và lãi khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận chia theo vùng địa lý

Theo thông tin hiện tại trên cơ sở bộ phận địa lý, bộ phận doanh thu dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, tại Việt Nam (“Trong nước”) hoặc các nước ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”).

	Xuất khẩu		Trong nước		Hợp nhất	
	2008 VND'000	2007 VND'000	2008 VND'000	2007 VND'000	2008 VND'000	2007 VND'000
Tổng doanh thu	2.376.511.037	2.550.635.689	959.615.752	649.716.402	3.336.126.789	3.200.352.091
Các khoản giảm trừ kinh doanh	(4.819.090)	(6.032.213)	(12.104.265)	(882.612)	(16.923.355)	(6.914.825)
Doanh thu thuần	2.371.691.947	2.544.603.476	947.511.487	648.833.790	3.319.203.434	3.193.437.266
Giá vốn hàng bán	(2.059.978.675)	(2.005.972.121)	(772.505.371)	(477.003.982)	(2.832.484.046)	(2.482.976.103)
Lợi nhuận gộp	311.713.272	538.631.355	175.006.116	171.829.808	486.719.388	710.461.163



Tiền và các khoản tương đương tiền

	2008 VND'000	2007 VND'000
Tiền mặt	2.061.897	42.594.700
Tiền gửi ngân hàng	57.088.866	223.848.225
Các khoản tương đương tiền	37.739.871	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.890.634	266.442.925

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số ngoại tệ khác VND tương đương 23.244 triệu VND (2007: 56.941 triệu VND).

Các khoản phải thu – ngắn hạn

Các khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	2008 VND'000	2007 VND'000
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	306.014.258	217.996.487
Phi thương mại	165.310.219	525.773.274
	471.324.477	743.769.761

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi, và không có thời gian hoàn trả cố định, ngoại trừ số tiền 70.384 triệu VND (2007: 377.949 triệu VND) chịu mức lãi suất dao động từ 1% đến 1.7% một tháng trong năm (2007: 1% đến 1.2%).

Khoản phải thu khác bao gồm:

	2008 VND'000	2007 VND'000
Khoản vay phải thu (a)	11.100.094	5.321.161
Phải thu khác	9.843.518	4.815.896
	20.943.612	10.137.057

- a. Khoản phải thu này thể hiện các khoản cho nhân viên vay không được bảo đảm và chịu lãi suất tháng là 1.5% (2007: 1.5%) trong năm.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Số dư đầu năm	9.147.867	5.320.532
Tăng dự phòng trong năm	2.025.821	3.827.335
Sử dụng dự phòng trong năm	(267.807)	-
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	10.905.881	9.147.867

Hàng tồn kho

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Hàng mua đang đi đường	-	1.333.742
Nguyên vật liệu	17.995.922	7.898.246
Công cụ và dụng cụ	5.929.167	5.734.139
Sản phẩm dở dang	74.579	163.645
Thành phẩm	674.193.783	133.183.694
Hàng hóa tồn kho	3.449.055	83.186.027
	701.642.506	231.499.493
Dự phòng hàng tồn kho	(62.819.222)	-
	638.823.284	231.499.493

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm thể hiện khoản dự phòng trích lập trong năm.

Tài sản ngắn hạn khác

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tạm ứng	23.542.967	28.723.065
Ký quỹ ngắn hạn	83.187	-
	23.626.154	28.723.065

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	59.122.805	4.926.128	121.376.359	14.171.152	199.596.444
Tăng trong năm	-	3.518.856	12.961.816	6.092.609	22.573.281



Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	137.978.265	812.154	272.346.331	-	411.136.750
Thanh lý	-	-	(659.028)	(1.613.333)	(2.272.361)
Xóa sổ	(342.048)	(100.559)	(831.897)	-	(1.274.504)
Phân loại lại	732.359	12.545	(744.904)	-	-
Số dư cuối năm	197.491.381	9.169.124	404.448.677	18.650.428	629.759.610
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	31.944.398	1.902.828	48.099.544	4.601.257	86.548.027
Khấu hao trong năm	18.402.842	1.423.625	33.525.574	2.952.183	56.304.224
Xóa sổ	(228.031)	(76.148)	(810.493)	-	(1.114.672)
Số dư cuối năm	50.119.208	3.250.305	80.814.626	7.553.440	141.737.579
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	147.372.173	5.918.819	323.634.051	11.096.988	488.022.031
Số dư đầu năm	27.178.408	3.023.300	73.276.814	9.569.895	113.048.417

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 18.978 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 18.743 triệu VNĐ). nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ được mang sang là 468.440 triệu VNĐ (2007: 32.942 triệu VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	16.183.968	148.538	16.332.506
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	-	89.900	89.900
Khấu hao trong năm	-	32.734	32.734
Số dư cuối năm	-	122.634	122.634
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	16.183.968	25.904	16.209.872
Số dư đầu năm	16.183.968	58.638	16.242.606

Xây dựng cơ bản dở dang

	2008 VND'000	2007 VND'000
Số dư đầu năm	353.513.374	5.441.673
Tăng trong năm	157.527.460	352.572.634
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(4.500.933)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(411.136.750)	-
Số dư cuối năm	99.904.084	353.513.374



Các khoản đầu tư

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Đầu tư vốn chủ sở hữu vào:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Mỹ Xuyên	135.000.000	135.000.000
▪ Quỹ Phát triển Việt Long	20.200.000	20.200.000
▪ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	20.000.000	20.000.000
▪ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không	43.200.000	3.200.000
▪ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Tài Nguyên	65.780.500	-
▪ Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	10.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt	5.000.000	-
Trái phiếu kho bạc dài hạn	10.000	10.000
	299.190.500	178.410.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(11.239.280)	-
	287.951.220	178.410.000

Tài sản và nợ thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Dự phòng	1.694.503	943.504
Trích trước	-	864.092
Lỗ tính thuế mang sang	2.583.930	-
	4.278.433	1.807.596

Các khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ không hết hiệu lực theo luật thuế hiện hành.

Vay và nợ dài hạn

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Các khoản vay ngắn hạn		
Khoản vay 1 từ Ngân hàng ANZ (a)	304.028.492	-
Khoản vay 2 từ BIDV – Chi nhánh An Giang (b)	100.000.000	-
Khoản vay 3 từ Ngân hàng Eximbank (c)	123.000.000	-
Khoản vay 4 từ Sacombank – Tp. Hồ Chí Minh (d)	-	100.000.000
Khoản vay 5 từ Ngân hàng VDB – Chi nhánh An Giang (e)	86.400.000	-
Khoản vay 6 từ Vietcombank – Chi nhánh An Giang (f)	100.000.000	-
Khoản vay 7 từ Công ty Cổ phần Biển Đông (g)	4.800.000	-
Khoản vay 8 từ Doãn Tới. Tổng Giám đốc (h)	10.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	33.510.332	17.664.000
	761.738.824	117.664.000

- a. Khoản vay 1 được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 270.571 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 11.25% đến 19.25% trong năm.
- b. Khoản vay 2 được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 50.279 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất hàng tháng dao động từ 0.81% đến 1.75% trong năm.
- c. Khoản vay 3 được bảo đảm bởi chín triệu cổ phiếu Công ty của Ông Doãn Chí Thanh và chịu lãi suất hàng tháng dao động từ 0.81% đến 1.75% trong năm.
- d. Khoản vay 4 được bảo đảm bởi chín triệu cổ phiếu Công ty của Ông Doãn Chí Thanh và chịu lãi suất năm là 9.72% trong năm.
- e. Khoản vay 5 không được bảo đảm và chịu lãi suất hàng tháng dao động từ 0.73% đến 1.35% trong năm.
- f. Khoản vay 6 không được bảo đảm và chịu lãi suất hàng tháng là 0.88% trong năm.
- g. Khoản vay 7 không được bảo đảm và chịu lãi suất hàng tháng là 0.8% trong năm.
- h. Khoản vay 8 không được bảo đảm và chịu lãi suất hàng tháng là 1.2% trong năm.



Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	4.737.977	2.509.486
Thuế xuất nhập khẩu	1.891.598	953.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.606.554	22.727.104
Thuế khác	4.725	23.750
	12.240.854	26.213.874

Chi phí phải trả

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lương tháng 13	1.862.778	8.640.916

Phải trả nội bộ

Các khoản phải trả nội bộ là các khoản thương mại phải trả cho các công ty liên quan.

Phải trả khác

Phải trả khác bao gồm:

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Mua hàng chưa nhận được hóa đơn	1.133.645	3.641.863
Bảo hiểm xã hội	366.983	526.227
Bảo hiểm y tế	82.441	78.077
Cổ tức phải trả	15.130.407	79.200.000
Khoản phải trả khác	6.427.148	3.168.593
	23.140.624	86.614.760

Vay dài hạn

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Các khoản vay dài hạn		
Quỹ hỗ trợ An Giang (a)	25.001.132	42.665.133
Ngân hàng An Bình (b)	79.231.660	74.718.670
	104.232.792	117.383.803
Phải hoàn trả trong vòng 12 tháng	(33.510.332)	(17.664.000)
Phải hoàn trả sau 12 tháng	70.722.460	99.719.803

- a. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 36.632 triệu VNĐ (2007: 32.942 triệu VNĐ) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay chịu lãi suất năm là 5.4% (2007: 5.4%) trong năm.
- b. Khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 110.958 triệu VNĐ (2007: 106.755 triệu VNĐ) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6.73% (2007: 6.73%) trong năm. Khoản vay này liên quan đến các khoản vay của công ty con và được bảo đảm bởi Công ty.

Các khoản vay dài hạn sẽ được hoàn trả dựa vào hợp đồng vay theo lịch trình sau

Năm hoàn trả	VNĐ'000
2009	33.510.332
2010	25.891.258
2011	14.943.734
2012	14.943.734
2013	14.943.734
	104.232.792



Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VNĐ'000
Số dư đầu năm	287.171
Trích lập dự phòng trong năm	5.686.575
Sử dụng dự phòng trong năm	(287.171)
Số dư cuối năm	5.686.575

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 540.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Vốn góp

Vốn cổ phần của Công ty được duyệt và đã phát hành như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		Ngày 31 tháng 12 năm 2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	66.000.000	660.000.000	66.000.000	660.000.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	660.000.000	66.000.000	660.000.000

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		Ngày 31 tháng 12 năm 2007	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu năm	66.000.000	660.000.000	60.000.000	600.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	6.000.000	60.000.000
Cổ phiếu mua lại	(394.750)	(27.417.630)	-	-
Số dư cuối năm	65.605.250	632.582.370	66.000.000	660.000.000

Doanh thu hoạt động tài chính

	2008 VND'000	2007 VND'000
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	46.426.522	43.833.515
▪ Các ngân hàng	8.288.573	8.132.763
▪ Thu nhập cổ tức	7.776.000	-
▪ Khác	4.538.844	3.195.264
Lãi chênh lệch tỷ giá	102.087.411	9.607.928
	169.117.350	64.769.470



Chi phí hoạt động tài chính

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Chi phí lãi vay phải trả cho		
▪ Các bên liên quan	3.109.695	11.360.600
▪ Các ngân hàng	78.657.965	10.435.166
▪ Các bên khác	284.201	738.992
Lỗ chênh lệch tỷ giá	80.547.076	18.983.708
Lỗ từ các hoạt động đầu tư	4.343.538	-
Dự phòng đầu tư dài hạn	11.239.280	-
	178.181.755	41.518.466

Thu nhập khác

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.272.361	13.983.173
Khác	4.497.567	7.151.122
	6.769.928	21.134.295

Chi phí khác

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thanh lý và xóa sổ	2.432.193	13.646.084
Chi phí khác	1.189.633	3.001.308
	3.621.826	16.647.392

Thuế thu nhập

Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	16.072.161	39.989.459
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.994.281	6.888.559
	18.066.442	46.878.018
Thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tam thời	(2.470.837)	(646.959)
Chi phí thuế thu nhập	15.595.605	46.231.059

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế	113.341.915	416.572.003
Thuế theo thuế suất của Công ty	22.668.382	83.314.401
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	5.469.900	-
Thu nhập nội bộ chịu thuế (miễn)/phát sinh	(1.666.171)	1.666.171
Thu nhập không chịu thuế	(1.499.616)	(532.178)
Ảnh hưởng của việc miễn thuế và giảm thuế	(11.371.171)	(45.105.894)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.994.281	6.888.559
Chi phí thuế thu nhập	15.595.605	46.231.059

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UN do Ủy ban Nhân Dân tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và Công Văn số 2657/CT.TTr2 do Cục Thuế tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006. Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà

nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế và được miễn thuế thu nhập trong năm 2002 và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập kể từ năm 2003 đến 2006.



Công ty cũng được giảm 50% thuế thu nhập trên các phần lợi nhuận từ doanh thu xuất khẩu nếu doanh thu xuất khẩu vượt năm trước.

Hơn nữa, Công ty cũng được hưởng các ưu đãi thuế từ hoạt động tái đầu tư như sau:

Giấy phép chứng nhận ưu đãi đầu tư	Thuế ưu đãi
Quyết định 51/CN.UB ngày 29/8/2003	Miễn thuế thu nhập trong năm 2004 và giảm 50% từ năm 2005 đến 2008 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới
Quyết định 70/CN.UB ngày 16/8/2004	Miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến 2009 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Công ty là 97.746 triệu VNĐ (2007: 370.341 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 65.688.143 (2007: 62.219.178), được thực hiện như sau:

Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lợi nhuận thuần trong năm	97.746.310	370.340.944
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông	97.746.310	370.340.944

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2008	2007
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	66.000.000	60.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 18 tháng 8 năm 2007	-	2.219.178
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại vào tháng 2 năm 2008	(209.425)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại vào tháng 3 năm 2008	(61.245)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại vào tháng 4 năm 2008	(41.187)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	65.688.143	62.219.178

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Công ty liên quan				
Công ty TNHH Đại Tây				
Dương				
Bán sản phẩm	117.362.037	102.030.176	173.606.779	175.655.448
Bán vật liệu	26.691.422	143.691.135	116.986.037	66.229.226
Cho công ty liên quan vay	1.232.523.143	1.503.179.077	15.384.708	307.949.189
Thu nhập lãi vay	46.353.403	41.694.215	-	28.785.553
Mua sản phẩm chế biến	1.096.460.303	967.178.082	(5.157.614)	(242.997.395)
Chi hộ	80.000.509	9.112.662	94.925.511	15.524.345
Công ty TNHH Thanh Thiên				
Cho công ty liên quan vay	-	24.000.000	-	-
Bán thành phẩm	52.642.251	95.290.412	15.421.442	79.626.000
Cổ đông				
Dỗn Tới				
Các khoản vay	58.334.610	-	(10.000.000)	-
Chi phí lãi vay	3.109.695	-	-	-
Dương Thị Kim Hương				
Các khoản vay	-	251.500.000	-	-
Chi phí lãi vay	-	11.345.333	-	-
Doãn Chí Thành				
Cho cổ đông vay	17.550.000	74.200.000	-	70.000.000
Doãn Chí Thiên				
Các khoản vay	55.000.000	-	55.000.000	-

Các cam kết

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Cho công ty liên quan vay:

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Được duyệt và đã ký hợp đồng	13.581.600	38.101.525



NAVICO

Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2008 VND'000	2007 VND'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	2.652.482.347	1.276.041.339
Chi phí nhân công và nhân viên	121.271.574	87.218.036
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.336.958	29.552.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.853.335	332.830.653
Các chi phí khác	7.275.730	77.840.276

Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Công ty có các cam kết mua bán ngoại tệ với Ngân hàng ANZ. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bán 6.200.000 Đô la Mỹ đổi lấy 105.926 triệu VND được thực hiện vào tháng 1 năm 2009 (2007: không).

Người lập:

Đã ký
Doãn Văn Nho
Kế toán trưởng

Người duyệt:



(Đã ký và đóng dấu)
Doãn Tới
Tổng Giám đốc

NAM VIET CORPORATION

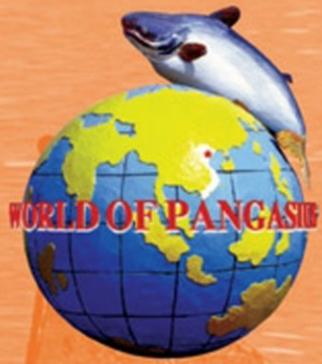
Email : namvietagg@hcm.vnn.vn

website : www.navicorp.com.vn





NAVICO



WORLD OF PANGASIUS



www.navifishco.com

NAVICO
NAM VIET CORPORATION

190 Tran Hung Dao Road, My Quy Ward, An Giang Province, Vietnam
Tel: (84) 76 834060 - 834 065 - Fax: (84) 76 834 054 - 833 779
Email: namvietagg@hcm.vnn.vn - Website: www.navifishco.com